TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 7 - 2021
"*V/v Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trọng Sơn
2. Ông Hoàng Chí Tình

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vỏ Thị Thu H, sinh năm 1999
Trú tại: Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình
2. Bị đơn: Anh Trần Công A, sinh năm 1989
Trú tại: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình
(Chị H có mặt, anh A vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 01/4/2021, bản tự khai, nguyên đơn chị Vỏ Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Trần Công A có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q vào ngày 11/01/2019. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi vả nên vợ chồng sống không có hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh A để ổn định cuộc sống sau này.

Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung và tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Theo bản tự khai ngày 18/6/2021, anh Trần Công A trình bày:

Anh và chị Vỏ Thị Thu H có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 11/01/20119 tại Uỷ ban nhân dân phường Q, thị xã B tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh ham chơi nên đã sa vào con đường phạm tội. Vì vậy, vợ chồng sống ly thân từ ngày 15/4/2020 cho đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung và tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Vỏ Thị Thu H có đơn yêu cầu ly hôn anh Trần Công A, hiện tại anh A có hộ khẩu thường trú tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên toà vắng mặt bị đơn anh Trần Công A, song xét thấy do hiện nay anh A đang thi hành án tại trại giam Đ nên anh A đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Trần Công A.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh A có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, được gia đình và chính quyền địa phương cho phép đăng ký kết hôn vào ngày 11/01/2019, tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không phù hợp, anh A lại ham chơi, không chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình mà lại vi phạm pháp luật, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Hiện tại chị H và anh A cũng xác định tình cảm không còn nên đều nhất trí ly hôn. Xét thấy, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, anh A đang thi hành án tại trại giam Đ, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vỏ Thị Thu H, xử cho chị H được ly hôn với anh A là phù hợp.

[3]. Về quan hệ con chung và tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung và tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Vỏ Thị Thu H phải nộp tiền án phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Trần Công A

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vỏ Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Công A

3. Về quan hệ con chung và tài sản chung: Không xem xét

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Vỏ Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002279, ngày 13/04/2021.

Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.